

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 457/2026/DS-PT

Ngày: 21-5-2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng đặt cọc”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2026/TLPT-DS ngày 03 tháng 03 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 822/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ C, tổ A, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

- Bị đơn: Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, đường C, tổ G, khóm A, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Minh T1, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ C khóm C, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tổ C, khóm C, phường C, tỉnh Đồng Tháp)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2026)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thái H; Bị đơn Đặng Quốc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Nguyễn Thái H trình bày:

Anh Nguyễn Thái H và anh Đặng Quốc T là bạn bè quen biết do làm ăn qua lại với nhau. Ngày 28/3/2025, anh H đồng ý cho anh T vay tổng số tiền 500.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận miệng 1,16%/tháng, hai bên thỏa thuận miệng khi nào anh H cần thì anh T sẽ trả lại tiền. Cùng ngày 28/3/2025, anh H giao số tiền vay cho anh T bằng hình thức giao tiền mặt là 110.000.000 đồng và chuyển khoản 390.000.000 đồng qua số tài khoản của anh T số 998999899 mở tại Ngân hàng TMCP Q (V). Để đảm bảo cho khoản vay tiền nêu trên, anh T đồng ý viết Giấy cọc đất cho anh H với nội dung: anh T có bán miếng đất đường Ngô Thời Nhậm, tờ bản đồ số 37, thửa 222, diện tích 137,9m², thổ hết đất, số GCN: C507823, cấp ngày 08/04/2023, anh H cọc 500.000.000 đồng.

Cùng ngày 28/3/2025, anh T có chuyển khoản trả tiền lãi tháng 4 năm 2025 cho anh H với số tiền lãi là 5.800.000 đồng.

Trong thời gian vay tiền, anh T trả tiền cho anh H nhiều lần với tổng số tiền nợ gốc đã trả là 80.000.000 đồng (trả lần cuối là ngày 29/4/2025), còn nợ lại 420.000.000 đồng; anh T có chuyển khoản trả tiền lãi vào ngày 28/3/2025 là 5.800.000 đồng, chuyển khoản trả tiền lãi vào ngày 09/4/2025 là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ tháng 5 năm 2025 đến nay thì anh T không trả tiền lãi cho anh H nữa. Mặc dù, anh đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền lãi và trả tiền gốc thì anh T hứa hẹn nhưng đến nay cũng không trả. Như vậy, tính đến ngày 23/5/2025 thì anh T còn nợ anh H số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là Nguyễn Thái H trình bày: Anh T có chuyển khoản trả tiền lãi vào ngày 28/3/2025 là 5.800.000 đồng, chuyển khoản trả tiền lãi vào ngày 09/4/2025 là 10.000.000 đồng và ngày 29/4/2025 chuyển khoản trả tiền gốc là 100.000.000 đồng. Hiện nay anh T còn nợ anh H số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng.

Nay anh Nguyễn Thái H yêu cầu như sau:

Anh Nguyễn Thái H yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 28/3/2025 giữa anh Nguyễn Thái H và anh Đặng Quốc T theo Giấy cọc đất ngày 28/3/2025 là vô hiệu.

Anh Nguyễn Thái H yêu cầu anh Đặng Quốc T trả số tiền vay còn nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi, với lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 07/7/2025 đến ngày 30/12/2025 là 05 tháng 23 ngày với số tiền lãi là 38.955.000 đồng, tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi là 438.955.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Đặng Quốc T trình bày:

Anh T đồng ý tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 28/3/2025 giữa Nguyễn Thái H và Đặng Quốc T theo Giấy cọc đất ngày 28/3/2025 là vô hiệu. Lý do anh T có vay số tiền 390.000.000 đồng của anh H, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả khi nào có tiền thì anh T sẽ trả cho anh H, vay không có lãi suất. Sau đó hai bên thỏa thuận anh H đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng mua phần đất đường Ngô Thời Nhậm, tờ bản đồ số 37, thửa 222 của anh T nên anh T làm giấy cọc đất ngày 28/3/2025 nhưng anh H chưa giao đủ số tiền còn lại là 110.000.000 đồng cho anh T như thỏa thuận nên anh T đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc ngày 28/3/2025 giữa anh Nguyễn Thái H và Đặng Quốc T.

Anh T không đồng ý yêu cầu của anh H về việc yêu cầu anh Đặng Quốc T trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi. Lý do anh T thừa nhận chỉ có vay số tiền 390.000.000 đồng của anh H, hai bên không có thỏa thuận tiền lãi, không lãi suất, không thời hạn trả nợ do số tiền này sau khi vay đã chuyển sang tiền đặt cọc mua đất nhưng sau khi vay anh T đã trả cho anh H tổng cộng số tiền là 195.800.000 đồng, cụ thể:

Ngày 28/3/2025 anh T chuyển khoản trả cho anh H số tiền 5.800.000 đồng.
Ngày 09/4/2025 anh T chuyển khoản trả cho anh H số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 26/4/2025 anh T có trả tiền mặt cho anh H với số tiền là 80.000.000 đồng, việc trả số tiền mặt này được anh H thừa nhận trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của anh H là chị T2 cũng thừa nhận anh T có trả tiền mặt cho anh H với số tiền là 80.000.000 đồng.

Ngày 29/4/2025 anh T chuyển khoản trả cho anh H số tiền 100.000.000 đồng. Do đó nay anh T chỉ còn nợ anh H số tiền là 194.200.000 đồng và đồng ý trả cho anh H số tiền là 194.200.000 đồng cho anh H. Ngoài ra không yêu cầu gì. Anh T không có vay, cũng không nhận số tiền 110.000.000 đồng của anh H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp đã áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, 131, 328, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thái H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 28/3/2025 giữa anh Nguyễn Thái H và anh Đặng Quốc T theo Giấy cọc đất ngày 28/3/2025 là vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 28/3/2025 giữa anh Nguyễn Thái H và anh Đặng Quốc T theo Giấy cọc đất ngày 28/3/2025 là vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Thái H về việc yêu cầu anh Đặng Quốc T trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 38.955.000 đồng, tổng cộng gốc và tiền lãi là 438.955.000 đồng.

Buộc anh Đặng Quốc T phải trả cho anh Nguyễn Thái H số tiền là 304.200.000 đồng và tiền lãi là 6.985.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 311.185.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thái H về việc yêu cầu anh Đặng Quốc T trả số tiền nợ gốc là 95.800.000 đồng và tiền lãi là 31.970.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/01/2026 nguyên đơn Nguyễn Thái H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh, đưa chị Phan Thị Hồng C, sinh năm 1985, địa chỉ số A, đường C, tổ G, khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp tham gia tố tụng và buộc anh T, chị C phải liên đới trả số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi 38.955.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngày 12/01/2026 bị đơn Đặng Quốc T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, anh chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 194.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Thái H có ý kiến xin rút đơn khởi kiện, rút đơn kháng cáo. Đại diện ủy quyền của bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của anh H, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét kháng cáo của bị đơn Đặng Quốc T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng đặt cọc ký ngày 28/3/2025 giữa anh Nguyễn Thái H với ông Đặng Quốc T, thể hiện anh H có cọc số tiền 500.000.000 đồng cho ông Đặng Quốc T. Các bên đương sự đều thừa nhận có ký tên vào giấy cọc đất ngày 28/3/2025. Căn cứ vào các chứng từ chuyển khoản anh H đã chuyển cho ông T số tiền 390.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, ông Đặng Quốc T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 6-Đồng Tháp.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Anh Nguyễn Thái H, ông Đặng Quốc T thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; hợp đồng đặt cọc” theo quy định tại Điều 328, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thái H xin rút đơn kháng cáo, đơn khởi kiện. Đại diện ủy quyền của bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Xét tại phiên tòa anh Nguyễn Thái H tự nguyện rút đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thái H.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định; Ngày 28/3/2025 anh Nguyễn Thái H có cho ông Đặng Quốc T vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích để ông T đáo hạn Ngân hàng, không thỏa thuận lãi /tháng, thời hạn trả 03 ngày. Để đảm bảo khoản nợ vay nên hai bên thống nhất viết giấy cọc đất ngày 28/3/2025. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là “giấy cọc đất” ngày 28/3/2025. Phía bị đơn ông Đặng Quốc T thừa nhận có vay của anh H số tiền 390.000.000 đồng và ký tên giấy cọc đất ngày 28/3/2025. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giữa anh Nguyễn Thái H và ông Đặng Quốc T xác lập hợp đồng vay tài sản, hợp đồng đặt cọc, theo quy định tại Điều 328, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật.

Theo thỏa thuận thời hạn trả tiền là 03 ngày nhưng đến hạn ông T không thực hiện, sau đó anh H yêu cầu ông T trả số tiền vay cho anh H nhưng ông T không thực hiện, mặc dù phía anh H đã nhiều lần đòi. Do đó, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với anh H nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đặng Quốc T trả số tiền vốn 304.200.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Quốc T, nhận thấy:

Ông T cho rằng ông vay của anh H số tiền 390.000.000 đồng và anh H đã chuyển khoản cho ông số tiền 390.000.000 đồng, thỏa thuận vay không lãi suất. Sau đó hai bên thỏa thuận anh H đặt cọc 500.000.000 đồng mua thửa đất số 222, tờ bản đồ 37 của ông Đặng Quốc T nên ông T viết giấy cọc đất ngày 28/3/2025.

Nhưng anh H không giao đủ số tiền còn lại 110.000.000 đồng, ông không có nhận số tiền 110.000.000 đồng tiền mặt nên không đồng ý trả số tiền vốn 400.000.000 đồng và tiền lãi cho anh H.

Xét thấy: Căn cứ vào giấy cọc đất ngày 28/3/2025 do ông T viết và ký tên, thể hiện ông T chuyển nhượng cho anh H phần đất diện tích 137,9m², thửa 222, tờ bản đồ 37. Anh H cọc số tiền 500.000.000 đồng.

Xét lời trình bày của ông T cho rằng sau khi vay tiền của anh H thì hai bên mới thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng đất là không có cơ sở vì ngày 28/3/2025 anh H chuyển khoản số tiền 390.000.000 đồng cho ông T vay và cùng ngày ông T viết giấy cọc nên không có cơ sở xác định việc chuyển nhượng thỏa thuận sau khi vay. Đồng thời, phía anh H không thừa nhận có việc chuyển nhượng đất mà việc ông T viết giấy cọc đất cho anh nhằm đảm bảo khoản nợ vay 500.000.000 đồng. Sau khi vay thì anh T đã trả được cho anh H nhiều lần với số tiền 195.800.000 đồng nên còn nợ lại 304.200.000 đồng. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông T. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định số tiền vay ông T còn nợ anh H là 304.200.000 đồng và tính lãi chậm trả là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299, điểm b khoản 1 Điều 289, Điều 295; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thái H.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Quốc T. Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, 131, 328, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thái H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 28/3/2025 giữa anh Nguyễn Thái H và anh Đặng Quốc T theo Giấy cọc đất ngày 28/3/2025 là vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 28/3/2025 giữa anh Nguyễn Thái H và anh Đặng Quốc T theo Giấy cọc đất ngày 28/3/2025 là vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Thái H.

Buộc anh Đặng Quốc T phải trả cho anh Nguyễn Thái H số tiền là 304.200.000 đồng và tiền lãi là 6.985.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 311.185.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thái H về việc yêu cầu anh Đặng Quốc T trả số tiền nợ gốc là 95.800.000 đồng và tiền lãi là 31.970.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Thái H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, anh H đã tạm nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001199 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như anh H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Ông Đặng Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, ông T đã tạm nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001210 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như ông T đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Về án phí sơ thẩm: Ông Đặng Quốc T phải chịu 15.859.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thái H phải chịu 6.389.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 10.797.000 đồng theo biên lai thu số 0004320, ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên trả lại cho anh H số tiền 4.408.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 21/5/2026 có mặt nghe tuyên án đại diện Viện kiểm sát./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 6 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy